

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
**CHI NHÁNH TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /NHNN-HTI4

Hà Tĩnh, ngày tháng 02 năm 2022

V/v Triển khai thực hiện Nghị  
quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày  
16/12/2021 của HĐND tỉnh

Kính gửi: Các Tổ chức tín dụng trên địa bàn.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định một số chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2025. Nội dung trọng tâm của Nghị quyết là chính sách hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã vay vốn tín dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND, Ngân hàng Nhà nước tỉnh (NHNN tỉnh) hướng dẫn một số nội dung để các Tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn thực hiện như sau:

1. Về đối tượng khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất, điều kiện được hưởng hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ, hạn mức vay vốn được hỗ trợ, mức hỗ trợ và thời hạn hỗ trợ lãi suất: Các TCTD thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 3 Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND.

2. TCTD xét duyệt cấp tín dụng theo quy định như các món cho vay khác cùng loại, bổ sung vào hợp đồng tín dụng các nội dung liên quan về hỗ trợ lãi suất. Trong trường hợp khách hàng thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND nhưng không đủ điều kiện vay vốn, các TCTD phải có văn bản trả lời lý do không cho vay. Trong trường hợp cần thiết, khi có yêu cầu của các Sở ngành có liên quan, TCTD gửi các văn bản trả lời khách hàng để kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh.

3. TCTD xác nhận Bảng kê dư nợ vay, lãi vay (theo Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND) chính xác, đúng quy định, tuyệt đối không được xác nhận cho các khách hàng đã hết thời hạn hỗ trợ lãi suất, sử dụng vốn không đúng mục đích, hoặc xác nhận vượt hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ lãi suất.

4. Báo cáo kết quả thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết 53/2021/NQ-HĐND:

- *Nội dung báo cáo:* theo **Mẫu số 01.HTLS.NQ53** kèm theo công văn này.

- *Thời hạn gửi báo cáo:* chậm nhất ngày 10 tháng tiếp theo tháng báo cáo.

- *Định kỳ báo cáo:* Báo cáo hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2022. Chậm nhất ngày 10/3/2022, các TCTD gửi báo cáo kết quả thực hiện đến 28/02/2022 (Số liệu lấy từ ngày 01/01/2022 đến 28/02/2022).

- *Hình thức báo cáo:* Báo cáo bằng file scan (có chữ ký của Lãnh đạo đơn vị và đóng dấu) gửi qua chương trình gửi nhận văn bản điện tử của UBND tỉnh hoặc qua email: hti4@sbv.gov.vn.

- *Nơi nhận:* Phòng Tổng hợp, Nhân sự và Kiểm soát nội bộ (TH,NS&KSNB), NHNN Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định một số chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Đề nghị các TCTD nghiêm túc triển khai thực hiện. Các khó khăn, vướng mắc (nếu có) đề nghị phản ánh về NHNN tỉnh (Phòng TH,NS&KSNB điện thoại 02393.857.057) để tổng hợp và xử lý./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ NHNN tỉnh;
- Lưu: VT, TH,NS&KSNB.BHTLINH (01).

**Gửi kèm:** Nghị quyết 53/2021/NQ-HĐND.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Tuyết Nhung**

**TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**BÁO CÁO CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY VỐN ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG PHỤC VỤ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BĂNG XE BỤT THEO NGHỊ QUYẾT 53/2021/NQ-HBND**

Kỳ báo cáo: Tháng..... Năm.....

Đơn vị: Triệu đồng, khách hàng

**Mẫu 01/BC-HTLS.NQ53**  
(Kèm theo Công văn số: /NHNN-HT14 ngày / /2022 của NHNN tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Phát sinh trong tháng báo cáo						Tại thời điểm cuối tháng báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo			
		Số khách hàng (mới) vay HTLS	Doanh số cho vay HTLS	Số tiền lãi khách hàng đã trả cho TCTD	Số tiền lãi đề nghị hỗ trợ (theo xác nhận của TCTD)	Dư nợ cho vay được HTLS	Số khách hàng còn dư nợ được HTLS	Số lượng khách hàng vay HTLS	Doanh số cho vay được HTLS	Số tiền lãi khách hàng đã trả cho TCTD	Số tiền lãi đề nghị hỗ trợ (theo xác nhận của TCTD)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)		
1	Doanh nghiệp												
2	Hợp tác xã												

Ghi chú: Số khách hàng vay trong tháng báo cáo (cột 3) chỉ báo cáo các khách hàng mới phát sinh vay món vay đầu tiên.

Hà Tĩnh, ngày tháng năm

**LẬP BIỂU**

(Ký ghi rõ họ tên, sắt liền hệ)

**KIỂM SOÁT**

**GIÀM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2021/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét Tờ trình số 478/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế

- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây gọi tắt là chủ dự án) vay vốn tín dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị liên quan đến việc tổ chức thực hiện, giải quyết các chính sách hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

### Điều 3. Chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

#### 1. Đối tượng được hỗ trợ

Chủ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện.

#### 2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Có dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt (điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, biển báo, nhà chờ, bãi đỗ xe buýt,...), đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật;

b) Có vay vốn tại các tổ chức tín dụng để xây dựng kết cấu hạ tầng, mua sắm phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và sử dụng đúng mục đích vốn vay;

c) Đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định hiện hành về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

#### 3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Trường hợp các khoản vay (gồm cả gốc và lãi) bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ thì không được hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian khoản vay bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ. Trường hợp chủ dự án đã thanh toán



nợ quá hạn và trả nợ đúng hạn, thì từ kỳ trả nợ tiếp theo chủ dự án tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất;

b) Trong trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau cho dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thì chủ dự án được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

✓ 4. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

✓ 5. Mức hỗ trợ lãi suất: Bằng 50% lãi suất phải trả thực tế trong hạn mức theo quy định tại khoản 4 Điều này.

✓ 6. Thời hạn hỗ trợ lãi suất: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### 7. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn (theo mẫu tại Phụ lục 1) kèm theo hồ sơ liên quan: Hồ sơ thiết kế, dự toán, Hợp đồng kinh tế, nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng (đối với đầu tư kết cấu hạ tầng); Hợp đồng mua phương tiện, báo giá, chứng từ chuyên tiền, đăng ký phương tiện (đối với dự án đầu tư phương tiện vận tải);

b) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao và xuất trình kèm bản chính) Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt kèm theo Dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định;

c) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao và xuất trình kèm bản chính) Hợp đồng tín dụng;

d) Bảng kê dư nợ vay, lãi vay, số tiền lãi đề nghị hỗ trợ và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của tổ chức tín dụng xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, khoản nợ trong hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt (theo mẫu tại Phụ lục 2).

Số tiền lãi được hỗ trợ cho một khoản vay được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{đề nghị} \\ \text{hỗ trợ} \\ \text{lãi suất} \end{array} = \sum_{i=1}^n \begin{array}{l} \text{Mức lãi} \\ \text{suất hỗ} \\ \text{trợ} \end{array} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa dư nợ vay} \\ \text{vốn được hỗ trợ lãi suất với số} \\ \text{ngày dư nợ thực tế trong tháng}}{30}$$

Trong đó:

- Mức lãi suất hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và được tính theo đơn vị: % tháng.

-  $n$  là số ngày dư nợ thực tế trong kỳ được hỗ trợ lãi suất.

- Dư nợ vay vốn được hỗ trợ lãi suất là phần dư nợ của chủ dự án tại tổ chức tín dụng thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Số tiền lãi được hỗ trợ của chủ dự án là tổng số tiền hỗ trợ lãi suất của tất cả các khoản vay mà chủ dự án được hỗ trợ.

#### 8. Quy trình thực hiện

a) Các chủ dự án đủ điều kiện hỗ trợ, sau khi hoàn tất hồ sơ theo quy định tại khoản 7 Điều này nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 02 bộ hồ sơ về Sở Giao thông vận tải (qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh). Trong trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu điện, thời gian nhận hồ sơ được tính theo dấu bưu điện đóng trên phong bì;

b) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ dự án, trong thời hạn 3 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải kiểm tra, rà soát hồ sơ, nếu thấy hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho chủ dự án. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của chủ dự án, Sở Giao thông vận tải chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, số tiền hỗ trợ và tổng hợp, lấy ý kiến của Sở Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền được hỗ trợ, thời gian hỗ trợ của từng dự án. Kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và được lưu giữ tại Sở Giao thông vận tải và Sở Tài chính cùng hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

c) Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định danh sách dự án được hỗ trợ, số tiền được hỗ trợ, thời gian hỗ trợ của từng dự án trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Giao thông vận tải; quyết định hỗ trợ cho chủ dự án được gửi cho các cơ quan: Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước và được công bố công khai;

d) Căn cứ quyết định hỗ trợ cho chủ dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời hạn 5 ngày làm việc, Sở Tài chính lập Lệnh chi tiền gửi Kho bạc nhà nước tỉnh, huyện, thị xã, thành phố;

đ) Căn cứ Lệnh chi tiền của Sở Tài chính, trong thời hạn 3 ngày làm việc, Kho bạc nhà nước thực hiện thanh toán số tiền được hỗ trợ cho chủ dự án.

#### Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

#### **Nơi nhận**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Trung Dũng**



**Phụ lục 1**

Ban hành kèm Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày ... tháng ... năm ....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN**

Kính gửi: - Sở Giao thông vận tải;  
 - Sở Tài chính tỉnh.

Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Người đại diện theo pháp luật:

Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân: ..... cấp ngày .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Là chủ dự án<sup>(1)</sup>..... tại<sup>(2)</sup>..... đã được<sup>(3)</sup>..... phê duyệt dự án.

<sup>(5)</sup>..... đã vay vốn tại<sup>(4)</sup>..... số tiền là ..... để thực hiện dự án<sup>(1)</sup> .....

Căn cứ Nghị quyết định số 53/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi hành khách đi lại bằng xe buýt và đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt,<sup>(5)</sup> .... đề nghị được hỗ trợ số tiền: ..... triệu đồng cho năm.....

Tên đơn vị thụ hưởng: ... ; Số tài khoản ... tại ngân hàng/Kho bạc...

<sup>(5)</sup> ..... xin cam kết đảm bảo các quy định hiện hành trong kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và cam kết nếu không tiếp tục thực hiện dự án .... <sup>(5)</sup> ..... sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ lãi suất vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO**  
**PHÁP LUẬT**  
*(ký tên, đóng dấu)*

(1) Tên dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

(2) Địa bàn nơi thực hiện dự án

(3) Tên cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án

(4) Tên tổ chức tín dụng

(5) Tên đơn vị

**Phụ lục 02**

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh

**BẢNG KÊ DƯ NỢ TIỀN VAY VÀ SỐ TIỀN LÃI ĐÃ TRẢ CHO TỔ CHỨC TÍN DỤNG THEO  
NGHỊ QUYẾT 53/2021/NQ-HĐND NGÀY 16/12/2021 CỦA HĐND TỈNH**

(Đến ngày .../.../...)

TT	Số HĐTD/ Giấy nhận nợ	Ngày giải ngân	Số tiền vay đã giải ngân	Thời hạn vay (Tháng)	Mục đích sử dụng vốn vay	Lãi suất cho vay theo HĐTD/ Giấy nhận nợ (%/năm)	Dư nợ tại thời điểm đề nghị HTLS	Thời gian tính hồ trợ lãi suất (Từ ngày .... đến ngày ....)	Số tiền lãi khách hàng đã trả cho TCTD (Đồng)	Số tiền lãi đề nghị hồ trợ HTLS (Đồng)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	((11))
1											
2											
...											

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 20...

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**